

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định một số nội dung về hoạt động
chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN ngày 24/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 200/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định một số nội dung về hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 28/01/2011
của UBND tỉnh Lào Cai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Văn bản này Quy định một số nội dung về hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai bao gồm việc thẩm tra, giám định công nghệ các dự án đầu tư, hợp đồng chuyển giao công nghệ và hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

2. Các nội dung khác về hoạt động chuyển giao công nghệ không quy định tại Quy định này, thực hiện theo các văn bản Luật, quy phạm pháp luật hiện hành về hoạt động chuyển giao công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với tất cả các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động chuyển giao công nghệ: thẩm tra, giám định, hợp đồng chuyển giao công nghệ và hỗ trợ chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này các từ ngữ dưới đây được hiểu theo quy định tại Điều 3 - Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006 cụ thể như sau:

1. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm.

2. *Thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư* (gọi tắt là *Thẩm tra công nghệ*) là quá trình xem xét, đánh giá phù hợp của công nghệ đã nêu trong dự án với mục tiêu và nội dung của dự án đầu tư trên cơ sở các chủ trương, chính sách, quy hoạch của tỉnh Lào Cai tại thời điểm thẩm định dự án.

3. *Giám định công nghệ các dự án đầu tư* (gọi tắt là *Giám định công nghệ*) là hoạt động kiểm tra và đề xác định mức độ đạt được về mặt công nghệ của dự án đầu tư đã triển khai trong thực tế tại thời điểm giám định so với nội dung công nghệ nêu trong dự án đầu tư đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép đầu tư hoặc quyết định đầu tư.

4. *Giám định công nghệ hợp đồng chuyển giao công nghệ* (gọi tắt là *Giám định chuyển giao công nghệ*) là hoạt động kiểm tra và đánh giá để xác định mức độ đạt được của công nghệ đã chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ trong thực tế tại thời điểm giám định so với nội dung của hợp đồng đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đăng ký.

5. *Chuyển giao công nghệ* là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao sang bên nhận công nghệ.

6. *Chuyển giao công nghệ tại Việt Nam* là việc chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

7. *Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam* là việc các tổ chức, cá nhân hoạt động ở nước ngoài chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ THẨM TRA CÔNG NGHỆ

Điều 4. Đối tượng thẩm tra công nghệ

1. Các dự án đầu tư trong nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

2. Các dự án đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh, của Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

3. Các dự án đầu tư không thuộc Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này nhưng có tính chất phức tạp hoặc ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu thẩm tra công nghệ.

4. Các dự án đầu tư mà chủ đầu tư hoặc các ngành liên quan có nhu cầu thẩm tra công nghệ.

5. Các dự án đầu tư tại tỉnh Lào Cai được Bộ Khoa học và Công nghệ uỷ quyền thẩm tra công nghệ.

Điều 5. Đầu mối tiếp nhận, xử lý hồ sơ thẩm tra công nghệ

1. Đối với các dự án đầu tư do UBND tỉnh quyết định đầu tư, cấp giấy phép đầu tư hoặc cấp ưu đãi đầu tư thì Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ dự án, sau đó chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm tra công nghệ theo quy định.

2. Đối với các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp thì Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tiếp nhận hồ sơ dự án, sau đó chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm tra công nghệ theo quy định.

3. Đối với các dự án đầu tư do UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư thì UBND các huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ dự án, sau đó chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm tra công nghệ theo quy định.

4. Đối với các dự án do chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu thẩm tra công nghệ thì Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm tra công nghệ theo quy định.

5. Khi cần thiết Chủ đầu tư đề nghị bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm tra công nghệ trước khi trình hồ sơ dự án đến cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, cấp giấy phép đầu tư hoặc cấp ưu đãi đầu tư.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ

Hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ được lập thành 02 bộ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ. Bao gồm các loại giấy tờ sau:

1. Công văn đề nghị thẩm tra công nghệ dự án đầu tư do UBND tỉnh yêu cầu (hoặc công văn đề nghị thẩm tra công nghệ của Chủ đầu tư).
2. Các tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
3. Giải trình kinh tế - kỹ thuật (do cơ quan có năng lực và thẩm quyền lập), trong đó nêu rõ giải pháp về công nghệ bao gồm:
 - a) Quy trình công nghệ;
 - b) Phân tích lựa chọn phương án công nghệ;
 - c) Danh mục máy móc, trang thiết bị;
 - d) Dây truyền công nghệ;
 - đ) Đánh giá tác động của công nghệ đến môi trường và hiệu quả kinh tế - xã hội.
4. Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu dự án đầu tư có góp vốn bằng công nghệ).

Điều 7. Thời hạn thẩm tra công nghệ

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp pháp, hợp lệ. Sở Khoa học và Công nghệ Lào Cai phải có ý kiến thẩm tra công nghệ bằng văn bản gửi cơ quan có yêu cầu thẩm tra công nghệ.
2. Trường hợp hồ sơ dự án phải điều chỉnh, bổ sung thì thời gian thẩm tra công nghệ được tính từ khi Sở Khoa học và Công nghệ nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ.
3. Đối với trường hợp công nghệ có tính chất phức tạp, khi thẩm tra phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan thì thời gian xử lý hồ sơ tối đa không quá 15 ngày làm việc.

Điều 8. Nội dung, thủ tục, trình tự thẩm tra công nghệ

Nội dung, thủ tục và trình tự thẩm tra công nghệ thực hiện theo hướng dẫn tại Phần II, khoản 2 Phần III Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN ngày 24/04/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN).

Điều 9. Kinh phí hỗ trợ công tác thẩm tra công nghệ

Thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 3 Phần III Thông tư số 10/2009/TT – BKHCN và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

Điều 10. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư các Dự án đầu tư hoặc là các Bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ, các tổ chức, cá nhân thực hiện Giám định công nghệ.

Điều 11. Nội dung giám định công nghệ

Thực hiện theo Điều 19 Nghị định 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật chuyển giao công (sau đây viết tắt là Nghị định số 133/2008/NĐ-CP).

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức giám định công nghệ

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP.

Điều 13. Yêu cầu giám định công nghệ, nội dung hợp đồng dịch vụ giám định công nghệ

1. Yêu cầu giám định phải lập thành hợp đồng dịch vụ giám định giữa người yêu cầu giám định với tổ chức giám định công nghệ.

2. Hợp đồng dịch vụ giám định công nghệ phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định;
- b) Tên, địa chỉ của tổ chức giám định công nghệ;
- c) Nội dung cần giám định;
- d) Các tài liệu, hiện vật có liên quan;
- đ) Thời hạn trả kết luận giám định;
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- g) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Điều 14. Giám định bổ sung, giám định lại

1. Giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp kết luận giám định chưa đầy đủ, rõ ràng về các nội dung cần giám định hoặc có phát sinh tình tiết mới cần làm rõ. Yêu cầu giám định bổ sung và việc thực hiện giám định bổ sung phải tuân theo các quy định đối với giám định lần đầu.

2. Giám định lại được thực hiện trong trường hợp người trưng cầu, yêu cầu giám định không đồng ý với kết quả giám định hoặc có mâu thuẫn giữa các kết luận giám định về cùng một vấn đề cần giám định. Việc giám định lại có thể do tổ chức giám định, giám định viên đã giám định trước đó hoặc do tổ chức giám định, giám định viên khác thực hiện theo yêu cầu của người trưng cầu, yêu cầu giám định.

Điều 15. Văn bản kết luận giám định công nghệ

1. Văn bản kết luận giám định công nghệ là một trong các cơ sở pháp lý để giải quyết vụ việc.

2. Văn bản kết luận giám định công nghệ phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ của tổ chức giám định công nghệ;
- b) Tên, địa chỉ của cơ quan trưng cầu giám định hoặc tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định;
- c) Đối tượng, nội dung, phạm vi giám định;
- d) Phương pháp thực hiện giám định;
- đ) Kết luận giám định;

e) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành giám định.

3. Văn bản kết luận giám định phải có chữ ký của giám định viên thực hiện giám định công nghệ, người đứng đầu tổ chức giám định công nghệ và đóng dấu của tổ chức đó.

Mục 3

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 16. Đối tượng áp dụng

Những dự án đầu tư có một hoặc một số nội dung sau đây thì lập hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định:

1. Chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp.
2. Chuyển giao các bí quyết về công nghệ, kiến thức dưới dạng phương án về công nghệ, các giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, tài liệu thiết kế sơ bộ và thiết kế kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ công nghệ, phần mềm máy tính (được chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ), thông tin dữ liệu về công nghệ được chuyển giao có kèm hoặc không kèm theo máy móc, thiết bị.
3. Chuyển giao các giải pháp hợp lý hoá sản xuất, đổi mới công nghệ.
4. Thực hiện các hình thức dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ:
 - a) Hỗ trợ kỹ thuật trong việc lựa chọn công nghệ, hướng dẫn lắp đặt thiết bị, vận hành các dây chuyền thiết bị.
 - b) Tư vấn quản lý công nghệ, quản lý kinh doanh, hướng dẫn thực hiện các quy trình công nghệ được chuyển giao.
 - c) Đào tạo, huấn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn và quản lý của công nhân, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý để nắm vững công nghệ được chuyển giao.
5. Cung cấp máy móc, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật kèm theo một hoặc một số nội dung nêu trên.

Điều 17. Hình thức chuyển giao công nghệ

Thực hiện chuyển giao công nghệ thông qua các hình thức sau đây:

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập
2. Phần chuyển giao công nghệ trong dự án hoặc hợp đồng sau đây:
 - a) Dự án đầu tư;
 - b) Hợp đồng nhượng quyền thương mại;
 - c) Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp;
 - d) Hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ.
3. Hình thức chuyển giao công nghệ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối tượng hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc diện đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

Đối tượng hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc diện đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại tỉnh Lào Cai bao gồm:

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước vào địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ nước ngoài vào địa bàn tỉnh, có sử dụng vốn Nhà nước, thuộc thẩm quyền Quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp.

3. Hợp đồng chuyển giao công nghệ nước ngoài vào địa bàn tỉnh đối với dự án đầu tư không sử dụng vốn Nhà nước.

Điều 19. Quyền, thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Các bên tham gia giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ có quyền đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại Sở Khoa học và Công nghệ Lào Cai và Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ là cơ sở để được hưởng các ưu đãi theo quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ bao gồm:

a) Đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Nghị định 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ);

b) Bản chính hoặc bản sao (có công chứng hoặc chứng thực) hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Điều 20. Đầu mối tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm:

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với tất cả các dự án thuộc dự án đầu tư của tỉnh cho bên nhận công nghệ.

2. Nhận hồ sơ và làm các thủ tục đăng ký đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ tại Lào Cai thuộc dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư đăng ký tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Chủ trì thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Điều 21. Thời hạn xử lý hồ sơ hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ phải thẩm định, chấp thuận chuyển giao, thời gian xử lý hồ sơ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

a) Trường hợp hồ sơ hợp đồng chuyển giao công nghệ phải điều chỉnh, bổ sung thì thời gian xử lý hồ sơ được tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ khi thẩm định phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan thì thời gian xử lý hồ sơ tối đa không quá 15 ngày làm việc.

2. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có hồ sơ đăng ký thì thời gian xử lý hồ sơ như sau:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Khoa học và Công nghệ phải cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ cho bên nhận công nghệ.

b) Trường hợp hồ sơ hợp đồng chuyển giao công nghệ phải điều chỉnh, bổ sung thì thời gian xử lý hồ sơ được tính từ khi Sở Khoa học và Công nghệ Lào Cai nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thì Sở Khoa học và Công nghệ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 22. Nội dung, thủ tục và trình tự đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

Nội dung, thủ tục và trình tự đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Điều 23. Phí và lệ phí

Phí thẩm định và lệ phí đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện theo Thông tư 200/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu và sử dụng phí thẩm định, lệ phí đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Mục 4

HỘI ĐỒNG THẨM TRA, THẨM ĐỊNH, GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

Điều 24. Thành phần Hội đồng thẩm tra, thẩm định, giám định công nghệ và thư ký Hội đồng

1. Đối với dự án có nội dung công nghệ rõ ràng, thuộc chuyên môn mà cán bộ Sở Khoa học và Công nghệ nắm vững. Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp xử lý và có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư để tổng hợp trong quá trình xem xét, cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Phiếu thẩm tra công nghệ dự án đầu tư và nội dung của văn bản thẩm tra công nghệ dự án đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục I và II của Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN.

2. Đối với những dự án có nội dung công nghệ phức tạp, có tính liên ngành hoặc có phạm vi ảnh hưởng rộng, đòi hỏi phải có ý kiến của các chuyên gia và các cơ quan chuyên ngành, tùy theo mức độ phức tạp về công nghệ của dự án đầu tư, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến phản biện của cá nhân hoặc tổ chức chuyên ngành, tổ chức hội nghị tư vấn hoặc thành lập hội đồng thẩm định để xem xét, thành phần Hội đồng bao gồm:

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ làm Chủ tịch Hội đồng.

b) Có không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng .

c) Ủy viên hội đồng gồm 07 thành viên là các nhà khoa học, chuyên gia, chuyên viên có trình độ, kinh nghiệm về lĩnh vực công nghệ đang thẩm tra, thẩm định, giám định ở trong và ngoài tỉnh, có thể thuê chuyên gia nước ngoài nếu cần thiết.

d) Thư ký Hội đồng: Trưởng phòng, chuyên viên Phòng Quản lý công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 25. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm tra, thẩm định, giám định công nghệ

Hội đồng thẩm tra, thẩm định, giám định công nghệ thực hiện thẩm tra, thẩm định, giám định công nghệ các đối tượng quy định tại Điều 3, Điều 9, Điều 13 của Quy định này theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Mục 5

HỖ TRỢ ĐỔI MỚI VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 26. Đối tượng được hỗ trợ

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai thực hiện đổi mới công nghệ.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu ứng dụng và triển khai ứng dụng công nghệ, cải tiến công nghệ, giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ để chuyển giao cho các doanh nghiệp.

3. Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn của nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác của nhà nước.

Điều 27. Lĩnh vực hỗ trợ

1. Các loại hình công nghệ:

- a) Công nghệ tạo sản phẩm mới;
- b) Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm;
- c) Thực hiện cải tiến công nghệ, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động;
- d) Sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;
- đ) Tiếp nhận công nghệ tiên tiến, công nghệ cao (công nghệ thông tin, sinh học, môi trường, công nghệ vật liệu mới, các phương pháp gia công hiện đại...);
- e) Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, sử dụng các công cụ quản lý tiên tiến;
- g) Xây dựng các mô hình triển khai, ứng dụng công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn (giống cây, con; trang thiết bị công nghệ; chuyển giao công nghệ).

2. Các lĩnh vực đổi mới công nghệ được ưu tiên hỗ trợ:

- a) Ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến nông, lâm sản, y dược;
- b) Điện, điện tử, tự động hoá;
- c) Công nghệ thông tin;
- d) Công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn;
- đ) Vật liệu mới, vật liệu composit, vật liệu nhẹ;
- e) Cơ khí chế tạo;
- g) Công nghiệp hỗ trợ: công nghiệp hóa chất; chế biến, tinh chế khoáng sản...;
- h) Các lĩnh vực đặc biệt khác (ví dụ công nghệ phục vụ phòng chống dịch; kiểm soát sinh vật, thực vật xâm lấn; công nghệ khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai...).

Điều 28. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện

1. Tổ chức đào tạo, huấn luyện cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật ở các doanh nghiệp các kiến thức quản lý công nghệ cụ thể:

- a) Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công nghệ và chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- b) Kỹ năng lựa chọn công nghệ, đàm phán, xây dựng và ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, năng suất, chất lượng, và các vấn đề có liên quan.
- c) Quản lý sản xuất, các phương pháp quản lý hiện đại, tiên tiến, các công cụ phục vụ quản lý, phương pháp triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu ở cơ sở sản xuất.
- d) Phương pháp đánh giá công nghệ.
- đ) Hướng dẫn xây dựng bộ phận nghiên cứu và triển khai khi các doanh nghiệp có yêu cầu.

2. Mức hỗ trợ thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của tỉnh Lào Cai và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 29. Hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp

1. Các dự án nghiên cứu triển khai:

- a) Tiếp nhận công nghệ chuyển giao tiến hành sản xuất thử;
- b) Thiết kế, chế tạo, mô phỏng các thiết bị công nghệ theo công nghệ nhận chuyển giao phục vụ đổi mới công nghệ;
- c) Thiết kế, chế tạo các thiết bị phục vụ cho các lĩnh vực và loại hình công nghệ ưu tiên đổi mới;
- d) Cải tiến công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm năng lượng, chi phí, giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường;
- đ) Xây dựng các mô hình ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

2. Mức hỗ trợ thực hiện dự án.

- a) Hỗ trợ đến 30% giá trị hợp đồng mua các bí quyết công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật cho các lĩnh vực và loại hình công nghệ ưu tiên đổi mới;
- b) Hỗ trợ 30% chi phí cho nghiên cứu, thiết kế mô phỏng các thiết bị công nghệ theo công nghệ nhận chuyển giao phục vụ đổi mới công nghệ, thiết kế các thiết bị phục vụ cho các lĩnh vực và loại hình công nghệ ưu tiên đổi mới;
- c) Hỗ trợ 30% giá trị các dự án cải tiến công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm chi phí;
- d) Hỗ trợ 30% kinh phí xây dựng các mô hình ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn;
- đ) Chuyển giao không thu phí các kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách của nhà nước cho các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ;

3. Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 điều này tối đa không quá 30% tổng kinh phí thực hiện 01 đề tài, dự án nghiên cứu tạo ra công nghệ mới thuộc những ngành nghề Nhà nước ưu tiên khuyến khích do doanh nghiệp thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan khoa học thực hiện.

Điều 30. Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, các chương trình, dự án

1. Các Sở, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp cận, tham gia các Chương trình, dự án của các tổ chức trong và ngoài nước, Chương trình, dự án của quốc gia về hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ.

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đầu tư đổi mới công nghệ.

3. Việc hỗ trợ bao gồm tạo các điều kiện tiếp cận, xây dựng dự án, các thủ tục để nhận hỗ trợ.

Điều 31. Hồ sơ xét hỗ trợ

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ các dự án đổi mới công nghệ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ;

- b) Dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi;
- c) Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực);
- d) Hợp đồng chuyển giao công nghệ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực, nếu có);
- đ) Hợp đồng mua thiết bị công nghệ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực, nếu có);
- e) Các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm (bản sao có chứng thực, nếu có).
- g) Hồ sơ được lập thành 02 bộ và gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai.

Điều 32. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của tỉnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 33. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan chủ trì, đầu mối để triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này. Có trách nhiệm:

1. Tổng hợp và xem xét đánh giá sơ bộ các nhu cầu của các doanh nghiệp về đổi mới công nghệ.
2. Phối hợp với các sở ban ngành, các đơn vị được lựa chọn tham gia công tác đào tạo, huấn luyện.
3. Đánh giá các dự án đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân.
4. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Mục 5 của Quy định này.
5. Thông báo kết quả thẩm định cho tổ chức và thực hiện giám sát quá trình triển khai của tổ chức.
6. Trình UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm tra, thẩm định, giám định công nghệ, lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Mục 5 của Quy định này.
7. Tổng hợp kết quả đánh giá, thẩm định của Hội đồng thẩm tra, thẩm định, giám định công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 34. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan

1. Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý các khu công nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp hình thành ý tưởng, thực hiện triển khai các đề tài, dự án đổi mới công nghệ thuộc phạm vi lĩnh vực của ngành mình.
2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cho đổi mới công nghệ trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách của địa phương.

Điều 35. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

1. Lập nhu cầu đổi mới công nghệ đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, lập dự án đổi mới công nghệ.
2. Tổ chức tiến hành triển khai dự án theo đúng nội dung, khối lượng, thời gian và kinh phí được phê duyệt.
3. Trong quá trình triển khai dự án các tổ chức phải báo cáo tiến độ và quá trình triển khai dự án định kỳ 06 tháng một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ Lào Cai.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tổ chức thực hiện Quy định sẽ được khen thưởng theo quy định.
2. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm đều bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy định này, định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.
2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi tiến hành các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc các đối tượng nêu trong Quy định này thực hiện thẩm tra, giám định công nghệ, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định để được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức khoa học, doanh nghiệp kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh